TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 11-4-2019.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vũ
2. Ông Nguyễn Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Mỹ C, sinh năm 1996, địa chỉ: ấp *, xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 27/3/2019.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1989, địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không có lý do lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Ngô Thị Mỹ C trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước chị và anh Nguyễn Chí T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện M, vào ngày 19/02/2014. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh T ham chơi cờ bạc, không lo cho gia đình, anh chị tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi và có xảy ra xô xát nhau vài lần nhưng chị không có báo chính quyền địa phương. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không có gặp gỡ nhau để tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xin được ly hôn với anh T vì không còn tình cảm.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 16/9/2014 và Nguyễn Khả N, sinh ngày 13/4/2016. Hiện hai con chung đang sống với anh T. Nay ly hôn, chị đồng ý để cháu D và cháu N cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Bị đơn anh Nguyễn Chí T vắng mặt trong quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến trình bày của anh T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Mỹ C; Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Chí T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 16/9/2014 và Nguyễn Khả N, sinh ngày 13/4/2016, chị Ngô Thị Mỹ C không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Đối với nguyên đơn chị Ngô Thị Mỹ C có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 27/3/2019 nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C là phù hợp. Đối với bị đơn anh Nguyễn Chí T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Ngô Thị Mỹ C và anh Nguyễn Chí T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Theo chị Ctrình bày nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh T ham chơi cờ bạc, không lo cho gia đình, anh chị tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi và có xảy ra xô xát nhau vài lần nhưng chị không có báo chính quyền địa phương. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không có gặp gỡ nhau để tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xin được ly hôn với anh T vì không còn tình cảm. Anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho anh T đến Tòa để tham gia hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do chứng minh anh không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Và chị C cương quyết xin được ly hôn với anh T vì không còn tình cảm. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn

nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ.

[3] *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 16/9/2014 và Nguyễn Khả N, sinh ngày 13/4/2016. Nay ly hôn, chị C đồng ý để anh T tiếp tục nuôi hai con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có văn bản trình bày ý kiến nhưng qua xác minh làm việc thì gia đình của anh T khẳng định hiện anh T đang trực tiếp nuôi cháu D và cháu N, đảm bảo điều kiện nuôi cháu D và cháu N cũng như có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu D và cháu N. Xét thấy, hiện cháu D và cháu N đang sống với anh T và anh T cũng đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi cháu D và cháu N nên nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần, tâm sinh lý của cháu D và cháu N nên để cháu D và cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nên không có ý kiến, nếu có yêu cầu thì anh T được quyền khởi kiện trong một vụ kiện khác.

[4] *Về chia tài sản:* Theo chị C trình bày là anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai, anh T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án tuy nhiên anh không có ý kiến hay yêu cầu, tranh chấp gì. Do đó không có căn cứ để xác định anh chị có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí:* Chị Ngô Thị Mỹ C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Mỹ C.

Chị Ngô Thị Mỹ C được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

2. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Chí T được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 16/9/2014 và Nguyễn Khả N, sinh ngày 13/4/2016, về yêu cầu cấp dưỡng thì anh T được quyền yêu cầu cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống chị C và anh T không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không đề cập.

4. Về án phí:

Chị Ngô Thị Mỹ C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị C đã nộp theo biên lai thu số ******* ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T2(11, 01/2014)
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Kim Sang